

Số: 2467/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 30 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chiến lược phát triển doanh nghiệp (giai đoạn 2016 - 2025)  
của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 182/TTr - SKH ngày 30 tháng 12 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2025 (có Chiến lược chi tiết kèm theo).

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông có trách nhiệm triển khai chiến lược bảo đảm đúng quy định của pháp luật và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh) chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược; định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ◀

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH-VB. 8

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Xuân Hải**

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
CTY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**SAO Y BẢN CHÍNH**



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 -2025

**THẨM ĐỊNH CỦA  
SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**

KT/ GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Phạm Tuấn Anh*

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI  
THÁC CTTL ĐẮK NÔNG**



*Hoàng Trung Khoa*

**PHÊ DUYỆT CỦA UBND TỈNH**



KT/ CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG BAN SƠ ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Ngày: 07-02-2017  
Quyển số 01... SCT/BS

Công chứng viên

*Trần Xuân Hải*



Năm 2016

*Vô Thị Mỹ Ngọc*

## **CHƯƠNG I MỞ ĐẦU**

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính Phủ về quy định chế độ giám sát, kiểm tra thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ được giao của các doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắc Nông về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc nông;

Căn cứ Công văn số 860/UBND-TH của UBND tỉnh Đắc Nông ngày 04/3/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ;

Công văn số 301/SKH-ĐKKD ngày 04/4/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai Nghị định số 115/2014 ngày 03/12/2014 của Chính Phủ;

### **II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắc Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp hoạt động công ích do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trực thuộc UBND tỉnh Đắc Nông. Được thành lập theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh Đắc Nông.

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày có quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật, Công ty có con dấu riêng, được mở tài khoản bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tại các Ngân hàng để giao dịch.

Thời gian hoạt động của Công ty kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có thể ngừng hoạt

động khi có quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục tiêu: Quản lý, khai thác hiệu quả hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Đắc Nông phân giao quản lý, nhằm phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chống xuống cấp và tiết kiệm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cho Nhà nước, bảo đảm an toàn cho công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực gần công trình.

Mô hình tổ chức bộ máy Công ty theo Điều lệ được phê duyệt tại Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Đắc Nông gồm: Chủ tịch, Giám đốc; 02 Phó Giám đốc Công ty (hiện tại 01 Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật); 01 Kế toán Trưởng; 01 Kiểm soát viên. Với tổng số cán bộ, công nhân viên, lao động hiện tại là 140 người (trong đó, Giám đốc Công ty ký hợp đồng lao động là 139 người).

**Các Phòng, Ban, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc gồm:**

+ Đến thời điểm hiện tại Công ty có 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Kỹ thuật vận hành;

+ 08 Chi nhánh đóng chân tại địa bàn các huyện, thị xã và 01 cụm quản lý công trình thuộc Chi nhánh huyện Đắc Glong;

+ 01 Ban Quản lý dự án;

+ 01 Xí nghiệp Xây dựng công trình.

+ 01 Xí nghiệp dịch vụ

**Phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh**

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tưới, tiêu, cấp nước, kế hoạch tài chính trình liên sở: Nông nghiệp & PTNT - Tài chính thẩm định và được UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, Công ty giao kế hoạch cụ thể cho các Chi nhánh trực thuộc. Các phòng chuyên môn của Công ty chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra giám sát và tổng hợp báo cáo về tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị trực thuộc.

**Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh**

| STT | Tên ngành                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Khai thác công trình thủy lợi nhằm mục đích tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế khác. | 0899     |
| 2   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                               | 7110     |
| 3   | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                          | 7020     |
| 4   | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                    | 4330     |
| 5   | Xây dựng công trình công ích                                                                                                      | 4220     |
| 6   | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                       | 0322     |
| 7   | Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác:                                                                                   | 4290     |
| 8   | Đại lý du lịch                                                                                                                    | 7911     |
| 9   | Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                           | 4663     |
| 10  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                          | 2395     |

|    |                                    |       |
|----|------------------------------------|-------|
| 11 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước: | 3600  |
| 12 | Trồng cây lâu năm                  | 012   |
| 13 | Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp       | 01500 |
| 14 | Trồng rừng và chăm sóc rừng        | 021   |
| 15 | Dịch vụ ăn uống                    | 56    |

**Cơ cấu lao động hiện có**

| Stt      | Chỉ tiêu                        | 2014       |            | 2015       |         | 2016       |         |
|----------|---------------------------------|------------|------------|------------|---------|------------|---------|
|          |                                 | SLĐ        | %          | SLĐ        | %       | SLĐ        | %       |
| <b>1</b> | <b>Tổng số LĐ</b>               | <b>121</b> | <b>100</b> | <b>132</b> | 100.00% | <b>140</b> | 100.00% |
| <b>2</b> | <b>Phân theo giới tính</b>      |            |            |            |         |            |         |
|          | LĐ nam                          | 91         | 75%        | 97         | 73.48%  | 103        | 74%     |
|          | LĐ nữ                           | 30         | 25%        | 35         | 26.52%  | 37         | 26%     |
| <b>3</b> | <b>Phân theo chuyên ngành</b>   |            |            |            |         |            |         |
|          | Chuyên ngành Thủy lợi           | 68         | 56,2%      | 74         | 56.06%  | 72         | 51%     |
|          | Chuyên ngành kinh tế            | 24         | 19,8%      | 25         | 18.94%  | 28         | 20%     |
|          | Khác                            | 11         | 9%         | 12         | 9.09%   | 17         | 12%     |
|          | Kỹ thuật có liên quan           | 17         | 14,2%      | 19         | 14.39%  | 21         | 15%     |
|          | Chưa qua đào tạo                | 01         | 0,8%       | 2          | 1.52%   | 2          | 1%      |
| <b>4</b> | <b>Theo trình độ chuyên môn</b> |            |            |            |         |            |         |
|          | Thạc sĩ                         | 01         | 0,8%       | 1          | 0,7%    | 3          | 2%      |
|          | Đại học                         | 36         | 29,75%     | 42         | 31,82%  | 53         | 38%     |
|          | Cao đẳng                        | 18         | 14,87%     | 19         | 14,39%  | 17         | 12%     |
|          | Trung cấp                       | 38         | 31,47%     | 40         | 30,30%  | 38         | 27%     |
|          | Sơ cấp                          | 27         | 22,31%     | 26         | 19,70%  | 27         | 19%     |
|          | Chưa qua đào                    | 01         | 0,8%       | 2          | 1,52%   | 2          | 1%      |

## CHƯƠNG II

### HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

#### I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011-2015 chủ yếu trong lĩnh vực công ích, thực hiện quản lý, bảo vệ, khai thác hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Đắk Nông phân giao quản lý, cung ứng dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân.

Chỉ tiêu doanh thu từ nguồn ngân sách cấp bù do miễn thủy lợi phí; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2015, cụ thể như sau:

##### 1. Thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu và cấp nước:

Trong những năm qua, Công ty luôn hoàn thành 100% kế hoạch diện tích tưới, tiêu, cấp nước được UBND giao. Tốc độ tăng diện tích bình quân năm sau so với năm trước xấp xỉ 108,5%. Tổng diện tích tưới, tiêu, cấp nước giai đoạn 2011-2015 là **157.268,15** ha, trong đó:

- Năm 2011: 26.479,75 ha; 100% kế hoạch;
- Năm 2012: 28.535,01 ha; 100% kế hoạch; tăng 7,76% so với năm 2011;
- Năm 2013: 29.487,83 ha; 100% kế hoạch; tăng 11,44% so với năm 2011.
- Năm 2014: 36.282,38 ha; đạt 100% kế hoạch; tăng 37,02% so với năm 2011.
- Năm 2015: 36.483,18 ha; đạt 100% kế hoạch, tăng 37,7 % so với năm 2011.

##### 2. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp công trình

Tổng kinh phí đầu tư vào sửa chữa nhỏ, sửa chữa lớn các công trình thủy lợi đảm bảo mục tiêu cấp nước, đảm bảo an toàn công trình từ năm 2011 đến nay là 193.354.781.000,00 đồng. Trong đó:

| Năm/hình thức sửa chữa | Số công trình | Tổng mức đầu tư được phê duyệt (đồng) |
|------------------------|---------------|---------------------------------------|
| - Năm 2011             |               | <b>20.975.382.000,00</b>              |
| + Sửa chữa lớn         | 5             | 12.148.310.000,00                     |
| + Sửa chữa nhỏ         | 42            | 8.827.072.000,00                      |
| - Năm 2012             |               | <b>19.878.454.000,00</b>              |
| + Sửa chữa lớn         | 6             | 10.253.740.000,00                     |
| + Sửa chữa nhỏ         | 65            | 9.624.714.000,00                      |
| - Năm 2013             |               | <b>43.103.348.000,00</b>              |
| + Sửa chữa lớn         | 11            | 31.798.277.000,00                     |

|                   |    |                          |
|-------------------|----|--------------------------|
| + Sửa chữa nhỏ    | 78 | 11.305.071.000,00        |
| <b>- Năm 2014</b> |    | <b>67.822.089.000,00</b> |
| + Sửa chữa lớn    | 21 | 63.074.382.000,00        |
| + Sửa chữa nhỏ    | 20 | 4.747.707.000,00         |
| <b>Năm 2015</b>   |    | <b>41.575.508.000,00</b> |
| Sửa chữa lớn      | 02 | 8.500.000.000,00         |
| Sửa chữa nhỏ      | 56 | 33.075.508.000,00        |

### 3. Sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2011-2015 là 182,07 tỷ đồng, trong đó:

- Năm 2011 doanh thu thực hiện 23,115 tỷ đồng;
- Năm 2012 thực hiện 23,14 tỷ đồng ;
- Năm 2013 thực hiện 35,36 tỷ đồng;
- Năm 2014 thực hiện 41,429 tỷ đồng;
- Năm 2015 doanh thu thực hiện 59,03 tỷ đồng trong đó: doanh thu từ dịch vụ công ích 37,2 tỷ đồng; doanh thu từ hoạt động kinh doanh tổng hợp 21,83 tỷ đồng.

Với mức tăng trưởng doanh thu tăng hàng năm của Công ty đã góp phần ổn định cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tham gia phát triển kinh tế của tỉnh,

#### Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính từ năm 2011 - 2015

| Stt | Nội dung                        | ĐVT  | Năm 2011    | Năm 2012    | Năm 2013    | Năm 2014  | Năm 2015    |
|-----|---------------------------------|------|-------------|-------------|-------------|-----------|-------------|
| 1   | Tổng tài sản                    | Tr.đ | 1.887.314,7 | 1.896.631,2 | 1.936.596,0 | 2.216.619 | 2.280.155,5 |
| 2   | Vốn chủ sở hữu                  | Tr.đ | 1.879.235,4 | 1.887.906,6 | 1.921.242,8 | 2.207.319 | 2.251.984,4 |
| 3   | Doanh thu thực hiện             | Tr.đ | 23.115,0    | 23.140,0    | 35.360,1    | 41.429    | 59.030      |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế            | Tr.đ | 0           | 8,3         | 0,0         | 0         | 181,6       |
| 5   | Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu     | %    | 0           | 0,42        | 0,0         | 0         | 0,003       |
| 6   | Các khoản nộp thuế+ bảo hiểm    | Tr.đ | 246,6       | 672,3       | 897,4       | 1.688,01  | 3.315       |
| 7   | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần  | 1,31        | 1,16        | 1,14        | 2,8       | 0,97        |
| 8   | Hệ số nợ phải trả/vốn CSH       | %    | 0,43        | 0,46        | 0,79        | 0,45      | 1,2         |
| 9   | Tài sản ngắn hạn                | Tr.đ | 10.562      | 10.137      | 17.394      | 26.549    | 27.226,3    |
| 10  | Nợ phải trả ngắn hạn            | Tr.đ | 8,079       | 8.724       | 15.353,2    | 9.297     | 28.168,3    |

Chiến lược phát triển Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2025

|    |                                                                |         |          |           |           |           |           |
|----|----------------------------------------------------------------|---------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 11 | Sản phẩm cung ứng                                              | Ha      | 25.892,0 | 28.549,49 | 29.508,83 | 36.362,38 | 36.483,18 |
| 12 | Số lao động (không tính lao động thuê ngoài, lao động thời vụ) | Người   | 54       | 81        | 108       | 121       | 140       |
| 13 | Thu nhập BQ/người/tháng                                        | Ng.đồng | 5.400,0  | 5.200,0   | 5.200,0   | 5.300     | 5.500,0   |

**Tài sản, nguồn vốn trong 05 năm từ 2011 - 2015 (đơn vị tính: VNĐ)**

| S<br>T<br>T | Nội dung                                 | 2011              | 2012              | 2013              | 2014              | 2015              |
|-------------|------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| I           | Tài sản ngắn hạn                         | 10.562.643.481    | 10.136.556.226    | 17.394.073.138    | 26.549.403.535    | 27.226.373.070    |
| 1           | Tiền và các khoản tương đương tiền       | 9.407.530.571     | 523.268.225       | 16.997.575.031    | 19.150.766.156    | 23.321.105.279    |
| -           | Tiền                                     | 9.407.530.571     | 523.268.225       | 16.997.575.031    | 19.150.766.156    | 23.321.105.279    |
| 2           | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn      |                   |                   |                   |                   |                   |
| 3           | Các khoản phải thu ngắn hạn              | 244.707.960       | 9.350.218.288     | 353.548.460       | 3.157.691.023     |                   |
| -           | Phải thu khách hàng                      | 244.707.960       | 9.207.323.960     | 311.945.960       | 297.945.960       | 3.000.000         |
| -           | Trả trước cho người bán                  |                   | 110.000.000       | 0                 | 2.853.389.560     | 1.897.603.120     |
| -           | Các khoản phải thu khác                  |                   | 32.894.328        | 41.602.500        | 6.355.503         |                   |
| 4           | Hàng tồn kho                             |                   | -                 |                   | 3.983.736.881     | 1.970.007.962     |
| 5           | Tài sản ngắn hạn khác                    | 910.404.950       | 263.069.713       | 1.832.553.991     | 257.209.475       |                   |
| -           | Chi phí trả trước ngắn hạn               | 1.139.200         |                   |                   |                   |                   |
| -           | Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước |                   |                   |                   | 172.578.416       | 0                 |
| -           | Tài sản ngắn hạn khác                    | 909.265.750       | 263.069.713       | 42.949.647        | 84.631.059        | 34.656.709        |
| II          | Tài sản dài hạn                          | 1.876.752.057.116 | 1.886.494.644.033 | 1.919.201.979.596 | 2.190.070.538.587 | 2.252.929.177.493 |
| 1           | Các khoản phải thu dài hạn               |                   |                   |                   |                   |                   |
| 2           | Tài sản cố định                          | 1.876.289.794.000 | 1.886.148.808.200 | 1.918.957.917.262 | 2.189.819.074.923 | 2.252.415.324.742 |
| -           | Tài sản cố định hữu hình                 | 1.876.289.794.000 | 1.886.148.808.200 | 1.918.957.917.262 | 2.179.571.344.855 | 2.250.783.781.742 |
| -           | - Nguyên giá                             | 1.876.289.794.000 | 1.886.506.283.283 | 1.920.148.087.750 | 2.182.253.599.795 | 2.255.144.741.340 |
| -           | - Giá trị hao mòn lũy kế                 | -126.376.000      | -357.475.083      | -1.278.950.488    | -2.682.254.940    | -4.360.959.598    |
| 3           | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          |                   |                   |                   | 10.247.730.068    | 1.631.543.000     |
| II          | Bất động sản đầu tư                      |                   |                   |                   |                   |                   |
| V           | Tài sản dài hạn khác                     | 462.263.116       | 345.835.833       | 244.062.334       | 251.463.664       | 513.852.751       |
| -           | Chi phí trả trước dài hạn                | 462.263.116       | 345.835.833       | 244.062.334       | 251.463.664       | 513.852.751       |
|             | Tổng cộng tài sản                        | 1.887.314.700.597 | 1.896.631.200.259 | 1.936.596.052.734 | 2.216.619.942.122 | 2.280.155.550.563 |
| V           | Nguồn vốn                                |                   |                   |                   |                   |                   |
| 1           | Nợ Phải trả                              | 8.079.244.097     | 8.724.558.509     | 15.353.228.115    | 9.300.276.130     | 28.171.059.296    |
| 2           | Nợ ngắn hạn                              | 8.079.244.097     | 8.724.558.509     | 15.353.228.115    | 9.297.570.380     | 28.168.353.546    |
| -           | Phải trả người bán                       | 3.929.530.100     | 2.224.793.099     | 8.887.406.600     | 2.996.078.550     | 7.954.905.450     |

Địa chỉ: Số 04, Đình Tiên Hoàng, Nghĩa Tân, Gia Nghĩa, Đắk Nông  
ĐT: 05013.548.799

|             |                                           |                          |                          |                          |                          |                          |
|-------------|-------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| -           | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước       |                          | 2.278.250                | 2.545.455                | 863.636                  | 472.757.079              |
| -           | Phải trả người Lao động                   | 817.822.713              | 1.625.629.488            | 1.320.275.269            | 1.612.298.575            | 1.873.768.128            |
| -           | Chi phí phải trả                          | 2.700.000.000            | 4.294.744.104            | 4.888.510.012            | 2.389.512.563            | 13.832.364.000           |
| -           | Phải trả nội bộ                           |                          | 50.000.000               | 33.390.000               | 4.000.000                | 127.081.189              |
| -           | Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 9.673.948                | 147.573.232              | 1.372.907                | 2.233.068.934            | 2.734.272.587            |
| -           | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 622.217.336              | 379.540.336              | 217.022.122              | 61.748.122               | 1.173.205.113            |
| <b>3</b>    | <b>Nợ dài hạn</b>                         |                          |                          | <b>2.705.750</b>         | <b>2.705.750</b>         | <b>2.705.750</b>         |
| -           | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ      |                          |                          | 2.705.750                | 2.705.750                | 2.705.750                |
| <b>V II</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>1.879.235.456.500</b> | <b>1.887.906.641.750</b> | <b>1.921.242.824.619</b> | <b>2.207.319.664.992</b> | <b>2.251.984.491.267</b> |
| <b>I</b>    | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>1.878.816.170.000</b> | <b>1.887.896.935.033</b> | <b>1.921.178.827.850</b> | <b>2.193.507.044.945</b> | <b>2.242.866.565.809</b> |
| -           | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                 | 1.878.816.170.000        | 1.887.890.173.283        | 1.921.174.771.850        | 1.175.291.810.945        | 2.223.550.963.083        |
| -           | Quỹ đầu tư và phát triển                  |                          |                          | 4.056.000                | 4.056.000                | 4.056.00                 |
| -           | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         |                          | 6.761.750                |                          | 0                        | 133.713.726              |
| -           | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản          |                          |                          |                          | 18.211.178.000           | 19.177.833.000           |
| <b>2</b>    | <b>Nguồn kinh phí quỹ khác</b>            | <b>419.286.500</b>       | <b>9.706.717</b>         | <b>63.996.769</b>        | <b>13.812.621.047</b>    | <b>9.117.925.458</b>     |
| -           | Nguồn kinh phí                            | 419.286.500              | 9.706.717                | 63.996.769               | 13.812.621.047           | 3.890.501.458            |
| -           | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ         |                          |                          |                          |                          | 5.227.424.000            |
|             | <b>Tổng cộng Nguồn vốn</b>                | <b>1.887.314.700.597</b> | <b>1.896.631.200.259</b> | <b>1.936.596.052.734</b> | <b>2.216.619.942.122</b> | <b>2.280.155.550.563</b> |

#### 4. Đánh giá về tình hình tài chính

Qua số liệu phân tích tình hình tài chính từ năm 2011 đến năm 2015 của công ty, có những nhận định như sau:

Năng lực thanh toán nợ ngắn hạn và thanh toán dài hạn, năng lực cân đối vốn và năng lực kinh doanh của Công ty tương đối ổn định và phát triển, tuy năm 2015 hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có giảm nhưng đây là các khoản nợ phát sinh được ngân sách nhà nước thanh toán vào tháng 01/2016 do đó không ảnh hưởng đến năng lực thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty; tỷ lệ tăng doanh thu cung cấp dịch vụ hàng năm phù hợp với tỷ lệ tăng nộp ngân sách và tỷ lệ tăng chi phí, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gần như không có, điều này hoàn toàn phù hợp với tính chất đặc thù là doanh nghiệp hoạt động cung ứng dịch vụ công ích của Công ty.

Như vậy, có thể nhận định tình hình tài chính của Công ty trong những năm qua khá ổn định, ít bị chi phối bởi các nhân tố biến động bất lợi, tuy nhiên kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm còn thiếu so với kết quả thực hiện trong năm và được bổ sung vào năm sau, do đó dẫn đến Công ty thường bị động trong việc phân bổ kinh phí thực hiện duy tu sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, đồng thời, còn phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách, chủ trương đối với lĩnh vực cung ứng dịch vụ của Công ty.

Do vậy, để đảm bảo phát triển ổn định tình hình tài chính của Công ty, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra, Công ty đã và sẽ từng bước nghiên cứu tăng doanh thu từ các hoạt động khai thác đa mục tiêu hệ thống công trình thủy lợi. Đồng thời, lập hồ sơ kinh trình các Sở, Ban, Ngành có liên quan tham mưu với UBND tỉnh cấp phát đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí do miễn thủy lợi phí mà Công ty đã thực hiện hàng năm.

## **II. TUYỂN DỤNG, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG**

### **1. Về tuyển dụng, bố trí công việc**

Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Lao động nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các Nội quy, Quy chế và Thỏa ước lao động tập thể.

Căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty, Giám đốc Công ty ký quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật phù hợp với công việc do Công ty yêu cầu. Người lao động làm việc trong Công ty có việc làm ổn định không có lao động dôi dư.

### **2. Về đào tạo nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn**

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của Công ty cũng như nhu cầu đào tạo của người lao động, hàng năm Công ty lập kế hoạch và thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn, dài hạn nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ công việc mà người lao động đang đảm nhiệm.

Từ năm 2011 đến nay, Công ty đã tổ chức, tham gia Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức với số lượng 80 cán bộ, công nhân viên. Trong đó:

- Năm 2011: 07 người;

- Năm 2012: 09 người;

- Năm 2013: 54 người;

Năm 2013, Công ty cũng đã phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên tổ chức đào tạo Lớp Sơ cấp nghiệp vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cho 15 cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty chưa qua đào tạo hoặc đã đào tạo chưa đúng chuyên môn.

- Năm 2015: 10 người;

Cùng với việc phối hợp với các đơn vị Trường học chuyên môn đào tạo cho cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty nâng cao tay nghề, trình độ để nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi, trong những năm

qua, đặc biệt trong năm 2014, Công ty đã cử, tạo điều kiện cho việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Cụ thể:

- Cán bộ, CNV hoàn thành chương trình đại học: 08 người;
- Cán bộ, CNV đang tham dự chương trình đại học: 20 người;
- Cán bộ, CNV đang tham dự chương trình sau đại học: 03 người.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên cử các cán bộ, Công nhân viên lao động trong Công ty tham dự các Lớp tập huấn do các Sở, ban, ngành trong, ngoài tỉnh tổ chức. Cụ thể:

- Lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý khai thác công trình thủy lợi do Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên tổ chức vào tháng 10/2014: 26 người.

- Lớp tập huấn tổ chức hợp tác dùng nước do Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tổ chức vào tháng 10/2014: 14 người.

- Lớp tập huấn Chuyển giao công nghệ mô hình IFAS kiểm soát nguồn nước do Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tổ chức: 09 người.

### **3. Về đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động**

Toàn bộ cán bộ, công nhân viên, người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn và không xác định thời hạn. Thực hiện chế độ làm việc 08 tiếng/ngày và 48 tiếng/tuần (theo quy định của ngành Thủy nông), được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, chế độ nghỉ phép, các ngày lễ lớn, nghỉ việc riêng, chế độ trợ cấp, ưu đãi, chế độ đối với lao động nữ,... thực hiện theo quy định hiện hành. Hàng năm 100% cán bộ, công nhân viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo đúng chế độ.

Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, bảo đảm vệ sinh an toàn lao động. Tổ chức tập huấn, huấn luyện định kỳ về vệ sinh an toàn lao động cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động trong suốt thời gian làm việc tại Công ty.

Chi trả tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động theo Quy chế trả lương của Công ty trên cơ sở hệ thống thang, bảng lương của Nhà nước và hệ thống thang, bảng lương do Công ty xây dựng được thông qua tổ chức Công đoàn Công ty và văn bản chấp thuận của Sở Lao động Thương binh Xã hội.

Thu nhập tiền lương bình quân của người lao động năm từ năm 2013-2015 duy trì ổn định ở mức 5,3 triệu/người/tháng.

## **III. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**

### **1. Đánh giá về sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự**

Công ty đã cơ bản ổn định trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự trong 05 năm (2011, 2012, 2013, 2014, 2015) đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, đảm bảo về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành công trình, phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng hàng hoá nông nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững cho người nông dân. Công ty tiếp tục sắp xếp, đổi mới công tác tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng: nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý của đội ngũ lãnh đạo; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, lao động; sắp xếp các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đáp ứng với nhu cầu thực tế trong sản xuất kinh doanh.

Việc sắp xếp đổi mới tổ chức, bộ máy nhân sự đảm bảo không làm xáo trộn, không làm dao động tư tưởng của người lao động. Đồng thời, luôn đảm bảo thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.

## **2. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh**

Với đặc điểm là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ tưới nước, tiêu nước và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm.

Là doanh nghiệp mới với đặc thù riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua luôn được sự quan tâm đặc biệt của các Tỉnh uỷ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban nhân dân, các Sở, Ngành và UBND các huyện, thị xã trong tỉnh.

Được thành lập trong thời kỳ thực hiện, chính sách miễn giảm thuỷ lợi phí đối với người dân, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua tương đối thuận lợi, chủ yếu chú trọng đến khâu tạo ra sản phẩm cung ứng dịch vụ tốt nhất: Đảm bảo cung ứng đủ, cung ứng kịp thời.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được của Công ty trong thời gian vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn những hạn chế nhất định:

- Chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ với người dân để thoả thuận, ràng buộc trong công tác tưới, tiêu và cấp nước;
- Chưa đẩy mạnh các hoạt động khai thác tổng hợp hệ thống công trình thủy lợi;
- Doanh thu từ kinh doanh khai thác tổng hợp, doanh thu xây dựng phụ thuộc vào nguồn vốn của Nhà nước đầu tư cho sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi.

## **CHƯƠNG III: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 -2025**

### **I. ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**

- Tiếp tục ổn định và bền vững xác định mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty là quản lý và khai thác công trình thủy lợi có hiệu quả với mục tiêu chính để đảm bảo cho việc cung ứng nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng như sinh hoạt của người dân nông thôn. Chú trọng đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhằm mục tiêu sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn nước.

- Đẩy mạnh khai thác đa mục tiêu hệ thống các công trình thủy lợi điển hình: phát triển mô hình sử dụng mặt hồ chứa nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch, cấp nước sinh hoạt, liên danh, liên kết với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp liên quan cung ứng máy móc, thiết bị, vật tư nông nghiệp gắn với lợi ích, nhu cầu thiết thực của nhà nông, góp phần tích cực trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh, Công ty sẽ tiếp nhận toàn bộ các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh. Đề xuất UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý trên cơ sở đó các công trình thủy lợi sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được chuyển giao về cho đơn vị quản lý khai thác theo quy định phân cấp đã được ban hành.

- Xây dựng Công ty phát triển toàn diện trên cơ sở lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhằm mục đích tưới, tiêu, cấp nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắc Nông. Từng bước chuyển dịch cơ cấu doanh thu tạo nguồn thu ổn định thường xuyên từ hoạt động khai thác sử dụng mặt thoáng hồ chứa nuôi trồng thủy sản, xây lắp, phát triển du lịch, kinh doanh cung ứng máy móc thiết bị vật tư nông nghiệp .... Mở rộng chức năng kinh doanh của Công ty theo điều lệ Công ty đã được phê duyệt;

- Nâng cao trình độ chuyên nghiệp quản lý tài chính, quản lý kinh doanh và chất lượng sản phẩm dịch vụ cung ứng thông qua xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

- Xây dựng Công ty vững mạnh về tổ chức, phát huy cao mọi nguồn lực để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

### **II. CÁC CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2025**

## 1. Chiến lược về tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

- Hoàn chỉnh và duy trì tổ chức bộ máy Công ty theo mô hình đã được UBND tỉnh Đắc Nông phê duyệt theo Phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020. Đồng thời tùy theo tình hình thực tế sẽ xem xét điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận cụ thể trong tổ chức bộ máy của Công ty, đảm bảo hoạt động hiệu quả;

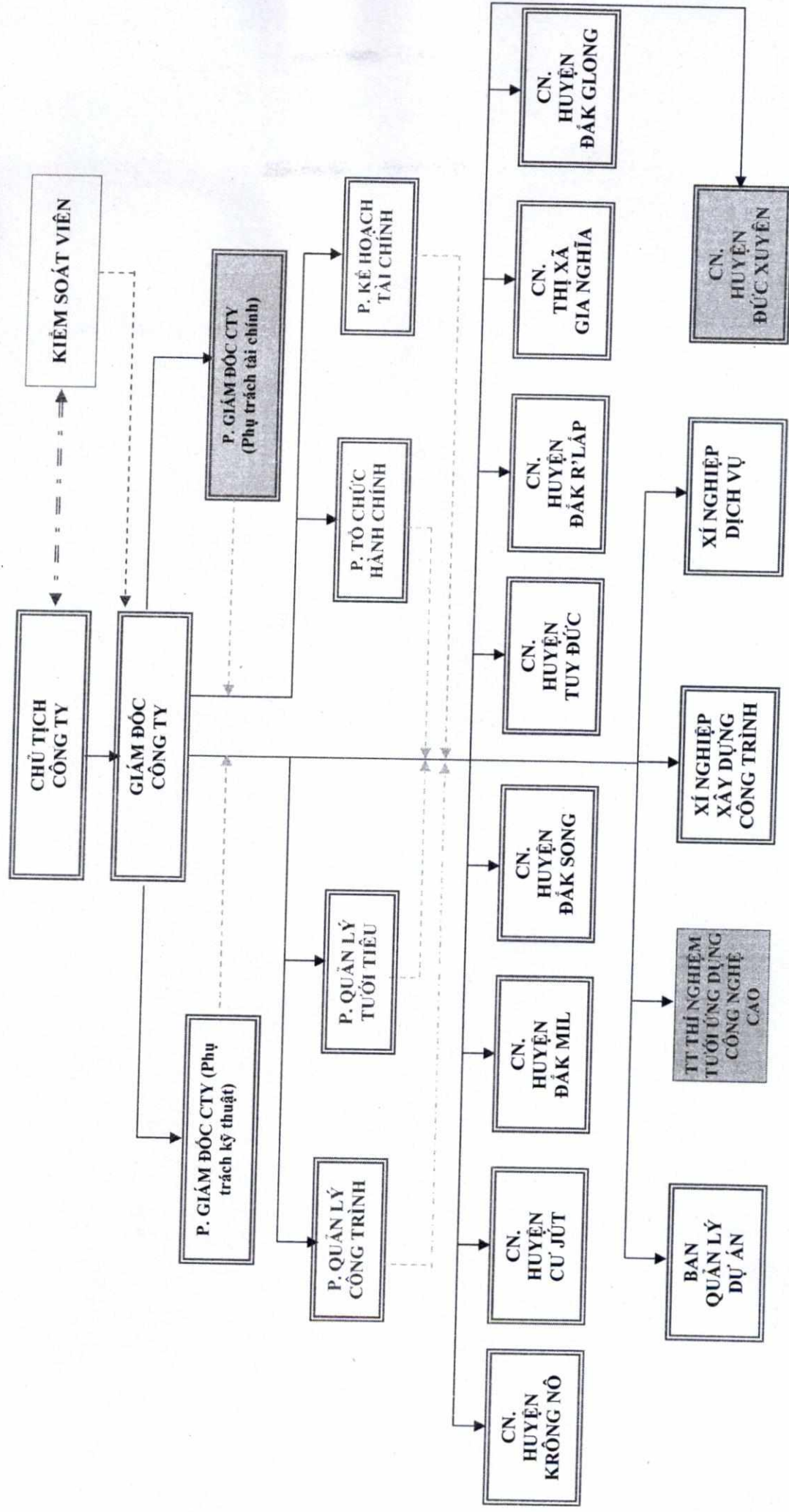
- Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển lớn mạnh của Công ty, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực là cực kỳ cần thiết. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cần tập trung vào chất lượng, không ngừng đào tạo và đào tạo lại lực lượng tại chỗ, tạo điều kiện để cán bộ, nhân viên người lao động không ngừng được học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực chuyên môn và kỹ thuật.

### Cơ cấu lao động giai đoạn 2016 -2025

| Stt | Chỉ tiêu               | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1   | Tổng số LĐ             | 152  | 180  | 208  | 244  | 278  | 278  | 278  | 278  | 278  | 278  |
| 2   | Phân theo giới tính    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|     | LĐ nam                 | 112  | 134  | 161  | 193  | 220  | 220  | 220  | 220  | 220  | 220  |
|     | LĐ nữ                  | 40   | 46   | 47   | 51   | 65   | 65   | 65   | 65   | 65   | 65   |
| 3   | Phân theo chuyên ngành |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|     | Chuyên ngành Thủy lợi  | 83   | 107  | 130  | 159  | 185  | 185  | 185  | 185  | 185  | 185  |
|     | Kỹ thuật liên quan     | 31   | 37   | 43   | 50   | 57   | 57   | 57   | 57   | 57   | 57   |
|     | Chuyên ngành Kinh tế   | 24   | 24   | 24   | 24   | 26   | 26   | 26   | 26   | 26   | 26   |
|     | Chuyên ngành khác      | 13   | 12   | 11   | 11   | 10   | 10   | 10   | 10   | 10   | 10   |
|     | Chưa qua đào tạo       | 01   | 0    | 0    | 0    | 0    | 0    | 0    | 0    | 0    | 0    |

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng về làm việc cho Công ty. Bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa tính tự chủ và khả năng sáng tạo của người lao động trong nhiệm vụ được giao, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhưng không thiếu phần thân thiện, tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**



Ghi chú:

 Bộ phận dự kiến thành lập;

-----  
Tham mưu, giúp việc;

 = 

☐ Bộ phận đã và đang hoạt động;

Chỉ đạo trực tiếp

## 2. Chiến lược sản xuất kinh doanh

- Tập trung đẩy mạnh đổi mới phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tăng số lượng, chất lượng của các sản phẩm dịch vụ. Đồng thời tiếp tục nhận bàn giao các công trình thủy lợi theo chủ trương của UBND tỉnh. Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhằm tiết kiệm nguồn nước, nhân lực, chi phí mà vẫn đảm bảo cung cấp đủ nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

- Đa dạng hóa loại hình sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh khai thác đa mục tiêu hệ thống công trình thủy lợi như: cung cấp nước thô cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh (trong lĩnh vực sản xuất nước sạch, phát điện, nuôi và sản xuất con giống thủy sản,...); tận dụng tối đa lợi thế cảnh quan thiên nhiên, của các hồ chứa, công trình thủy lợi phát dịch vụ tham quan, du lịch; cho người dân địa phương, doanh nghiệp sản xuất nuôi trồng thủy sản thuê mặt nước các hồ chứa để nuôi trồng thủy sản; phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp dài ngày trên diện tích đất bãi vật liệu công trình thủy lợi Đắc Rồ được UBND tỉnh giao Công ty quản lý, khai thác; nuôi trồng thủy sản,....

- Phát triển hoạt động tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình thủy lợi...

### Tỷ trọng doanh thu giai đoạn 2016 -2025

| S<br>T<br>T | Nội dung                                | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-------------|-----------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1           | Doanh thu                               | 41   | 46   | 51   | 57   | 65   | 65   | 65   | 65   | 65   | 65   |
| 2           | Tỷ trọng doanh thu dịch vụ công ích (%) | 93   | 91   | 88   | 87   | 87   | 87   | 87   | 87   | 87   | 87   |
| 3           | Tỷ trọng doanh thu ngành nghề khác (%)  | 7    | 9    | 12   | 13   | 13   | 13   | 13   | 13   | 13   | 13   |

## 3. Chiến lược quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi

- Chiến lược phạm vi trách nhiệm quản lý: Để đảm bảo quản lý xuyên suốt toàn bộ hệ thống công trình thủy lợi từ đầu mối đến hệ thống kênh mương nội đồng, cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các đơn vị quản lý khai thác, chính quyền địa phương và người hưởng lợi. Vì vậy Công ty sẽ đề xuất UBND tỉnh, các Sở, Ngành liên quan phê duyệt điều chỉnh quy định vị trí cống đầu kênh của tổ hợp tác dùng nước, ban hành quy định hướng dẫn củng cố các tổ hợp tác dùng nước, định mức và cơ chế thực hiện thu thủy lợi phí

thủy nông nội đồng, đề các tổ hợp tác dùng nước tại các huyện, thị có cơ sở thu phí;

- Chiến lược vận hành điều tiết nước đảm bảo an toàn công trình: Tuân thủ các quy định Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, thực hiện các tiêu chuẩn, quy phạm về đảm bảo an toàn hồ, đập. Tiến hành rà soát, lập, xây dựng quy trình điều tiết các hồ chứa và kiểm định an toàn đập theo lộ trình đã được UBND tỉnh cho chủ trương;

- Chiến lược đầu tư sửa chữa: trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được UBND tỉnh ban hành, từ nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí Công ty triển khai giao khoán cho các đơn vị chủ động thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình theo kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt từ đầu năm và quy chế Công ty. Đồng thời hàng năm kiểm tra, rà soát và đối chiếu với định mức kinh tế kỹ thuật phân loại dự án đầu tư sửa chữa lớn, lập kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí đầu tư để triển khai đầu tư kịp thời, hạn chế thấp nhất nguy cơ vỡ đập gây thiệt hại về người. Kiến nghị UBND tỉnh, Sở, Ngành chức năng xem xét ban hành quy định phân cấp quản lý đầu tư xây dựng cho riêng lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi;

#### **4. Chiến lược phát triển quy mô thông qua tăng vốn điều lệ**

Căn cứ chủ trương UBND tỉnh, Công ty tiếp nhận quản lý, bảo vệ, vận hành toàn bộ công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trên địa bàn tỉnh sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty dự kiến đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt và điều chỉnh tăng vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ hiện tại là: 2.165.379.352.059 đồng;

- Mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Nguồn bổ sung tăng vốn điều lệ Công ty: Do Nhà nước tiếp tục đầu tư vào Công ty thông qua việc bàn giao tài sản cố định là các công trình thủy lợi, trụ sở làm việc có nguồn gốc hình thành từ vốn ngân sách Nhà nước về cho Công ty thực hiện quản lý, bảo vệ, khai thác.

- Vốn điều lệ tăng sau khi được bổ sung: 2.365.379.352.059 đồng.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 -2025**

#### **1. Nhóm giải pháp về quản trị**

- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, hoàn thiện và thực hiện tốt điều lệ và quy chế quản trị Công ty;

- Hoàn chỉnh các quy chế hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát nội bộ; Hoàn chỉnh hệ thống điều hành công việc thông qua trang mạng của Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành công việc của Công ty;

- Thành lập trung tâm thí nghiệm tưới ứng dụng Công nghệ cao, nâng cấp Cụm khai thác CTTL Đức Xuyên thành chi nhánh huyện Đức Xuyên sau khi có quyết định thành lập đơn vị hành chính huyện Đức Xuyên;

## **2. Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự**

- Hoàn chỉnh và duy trì bộ máy tổ chức Công ty theo Phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt; làm tốt công tác quy hoạch cán bộ để đảm bảo thống nhất và ổn định của bộ máy;

- Xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, quy chế thưởng, phúc lợi dựa trên nguyên tắc công bằng công khai, căn cứ vào năng lực thực tế, vị trí công việc, hiệu quả công việc của từng người lao động để có chế độ đãi ngộ thích hợp;

- Xây dựng và phát huy môi trường làm việc thân thiện, mang bản sắc riêng của Công ty;

- Xây dựng và thực hiện trả lương theo vị trí, chức danh, nghiên cứu mở rộng khoảng cách giữa các bậc lương, cơ chế đặc thù để trả lương, tạo động lực cho người lao động;

- Xây dựng hệ thống công cụ quản lý, đánh giá, phân tích hiệu quả công việc của từng Phòng, Ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng như của từng nhân viên để đánh giá chính xác, khách quan hiệu quả công việc đồng thời thấy rõ được điểm mạnh điểm yếu của từng cán bộ nhân viên;

- Tăng cường công tác quản trị nhân lực nhằm phát huy tốt hiệu quả, năng lực của người lao động, duy trì việc làm thường xuyên cho người lao động đảm bảo thu nhập ổn định.

## **3. Nhóm giải pháp kinh doanh, sản phẩm**

- Tiếp nhận bàn giao các công trình thủy lợi theo chủ trương của UBND tỉnh; đồng thời ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi tiết kiệm chi phí, nguồn nước, nâng cao hiệu quả của hoạt động tưới, tiêu, cấp nước;

- Từng bước đẩy mạnh phát huy hiệu quả khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, đa dạng hóa loại hình kinh doanh của Công ty như:

+ Phát triển mô hình sử dụng mặt thoáng hồ nước để nuôi trồng thủy sản: Công ty tận dụng các lợi thế có sẵn để ký hợp đồng với các đơn vị, cá nhân, có đủ chức năng, năng lực theo quy định của Nhà nước;

+ Phát triển du lịch, dịch vụ du lịch tận dụng cảnh quan thiên nhiên các hồ chứa công trình thủy lợi : Hồ Đắc Rồ (huyện K rông Nô), Hồ Tây (huyện Đăk Mil), Hồ Trung Tâm (Thị xã Gia Nghĩa);

+ Thực hiện cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh khác tại công trình thủy lợi của các huyện Đăk Mil, K rông Nô...

+ Phát triển hoạt động xây dựng, tư vấn thiết kế, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi. Tuy nhiên, các dự án sửa chữa, nâng cấp, xây dựng các công trình thủy lợi phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và không có xu hướng tăng trong thời gian tới nên việc phát triển các hoạt động tư vấn, thi công xây dựng phụ thuộc rất

nhiều vào chủ trương đầu tư của Nhà nước về xây dựng nâng cấp công trình thủy lợi. Để phát triển hoạt động tư vấn, thi công xây dựng công trình, Công ty cần phát huy và tận dụng hết các lợi thế về nhân lực (có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm công tác trong thiết kế, giám sát, thi công công trình thủy lợi) từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh tham gia đấu thầu các dự án, gói thầu tư vấn thiết kế, giám sát thi công, thi công xây dựng các công trình vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực giao thông thủy lợi...

- Rà soát, phân tích đánh giá cụ thể từng nội dung, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để ưu tiên, tập trung vào nhiệm vụ chính của Công ty đồng thời phát triển ngành nghề, lĩnh vực có thế mạnh và có xu hướng phát triển trong thời gian tới.

#### **4. Nhóm giải pháp về quản lý, vận hành công trình thủy lợi**

- Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ trong quản lý khai thác công trình thủy lợi, công nghệ giám sát hồ chứa tự động, ứng dụng nghiên cứu xử lý các vấn đề khoa học có liên quan ;

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi, chú trọng công tác duy tu bảo dưỡng thường xuyên nhằm hạn chế thấp nhất hư hỏng xuống cấp công trình;

- Duy trì công tác phát dọn toàn bộ công trình đầu mối, hệ thống kênh mương, đảm bảo công trình luôn đạt trạng thái tốt nhất nhằm phục vụ công tác tưới, tiêu, cấp nước và đảm bảo an toàn công trình.

- Triển khai khảo sát, cắm mốc bảo vệ hành lang an toàn đối với các hạng mục đầu mối công trình nhằm ngăn chặn các trường hợp lấn chiếm hành lang an toàn mới, từng bước giải quyết tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn từ lâu.

- Duy trì công tác kiểm tra thường xuyên thiết bị vận hành đóng mở; huy động nhân công nạo vét kênh mương, khai thông dòng chảy, xử lý rò rỉ, thất thoát nguồn nước; công tác nhận định đánh giá khả năng nguồn nước thực hiện các phương án giải pháp cân đối nguồn nước để điều tiết hợp lý.

- Duy trì công tác theo dõi mực nước, nhận định nguồn nước, cập nhật, tổng hợp, báo cáo. Xây dựng chương trình tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực của người lao động tham gia hoạt động quản lý, khai thác CTTL;

- Xây dựng quy trình vận hành điều tiết các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh. Duy trì thường xuyên công tác quản lý an toàn đập như: công tác kiểm tra an toàn đập; lập phương án bảo vệ đập, tổ chức kiểm định đập....

- Chủ động, tích cực huy động, vận động nhiều nguồn vốn để đầu tư sửa chữa lớn, sửa chữa cấp bách hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi.

#### **5. Nhóm giải pháp tài chính**

- Lập phương án, giải pháp tổ chức thu thủy lợi phí, tiền nước trực tiếp từ người dân một cách hiệu quả nhất trên cơ sở mức thu do Nhà nước quy định trong trường hợp chính sách cấp bù miễn thủy lợi phí của Trung Ương không còn;

- Trường hợp thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ tưới tiêu không đủ để chi phục vụ công tác tưới, tiêu, kịp thời lập kế hoạch xin hỗ trợ từ ngân sách để đảm bảo duy trì hoạt động của bộ máy tổ chức để có thể đảm nhận nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình, cung ứng dịch vụ tưới tiêu, cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý nợ, trích lập dự phòng đối với các khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi theo đúng quy định của Nhà nước đảm bảo nguồn vốn để Công ty ổn định trong bất kỳ hoàn cảnh nào;

- Tính hiệu quả từng công việc, dự án, để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư, kinh doanh, bảo đảm hiệu quả tốt nhất; cân đối dòng tiền, lập bảng cân đối, kế hoạch thu chi cho từng dự án, từng quý, từng tháng bảo đảm chủ động hiệu quả và tránh được những rủi ro bất trắc của biến động thị trường.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẮC NÔNG  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Trung Thơ**